

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 8 - 2017
V/v "Không công nhận vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Ông Nguyễn Hồng Diện

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 69/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1986
(Có mặt tại phiên tòa)
2. Bị đơn: Anh Ma Văn S, sinh năm 1966
(Có mặt tại phiên tòa)

Các đương sự cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Đặng Thị T trình bày: Năm 2004 chị và anh Ma Văn S về chung sống với nhau, được

tìm hiểu tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống anh chị có hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 trở đi anh S thường hay vi phạm pháp luật, gia đình chị có khuyên bảo nhưng anh S vẫn không thay đổi tính nết nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn S.

- Về con chung: Chị T và anh S có 03 con chung, tên các cháu là Ma Văn T1, sinh ngày 20/01/2005; Ma Thị S1, sinh ngày 17/3/2006; Ma Thị L, sinh ngày 27/5/2010. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Ma Văn S không có tài sản chung, công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ma Văn S trình bày: Năm 2004 anh và chị Đặng Thị T về chung sống với nhau, hai bên tự nguyện tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh về làm rể ở cùng gia đình chị T tại Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Anh S thừa nhận vào năm 2011 anh có vi phạm pháp luật, sau khi chấp hành án trở về địa phương thì anh đã tu trí làm ăn để nuôi dạy 03 con ăn học, chị T không ở nhà mà đi làm ăn xa. Do hoàn cảnh mỗi người sống một nơi nên anh và chị T không còn thương yêu nhau nữa.

- Về con chung: Anh Ma Văn S có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Ma Văn T, sinh ngày 20/01/2005; Ma Thị S, sinh ngày 17/3/2006; Ma Thị L, sinh ngày 27/5/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì chị T đi làm ăn xa nhà từ nhiều năm nay, không có nơi ăn chốn ở ổn định nên không có điều kiện nuôi dạy các cháu được. Bản thân anh từ ngày chấp hành xong án phạt tù đã trở về địa phương, tu trí làm ăn, chấp hành tốt pháp luật. Trong thời gian chị T vắng nhà anh vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo việc học hành cho cả 03 cháu và nuôi mẹ đẻ của chị T.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ma Văn S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Ma Văn S và chị Đặng Thị T không có tài sản chung, công nợ chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hoà giải về phần con chung chị Đặng Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S; về tài sản chung, công nợ chung chị T và anh S đều xác nhận là toàn bộ tài sản hiện có là của bố mẹ đẻ của chị T, chứ bản thân vợ chồng anh chị không có tài sản chung gì, cũng không nợ nần ai, vì thế nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về con chung chị T và anh S thay đổi ý kiến là giao cả 03 cháu Ma Văn T, Ma Thị S, Ma Thị L cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Vì chị T đi làm ăn xa, nay đây mai đó không đảm bảo

việc ăn học cho các cháu. Sự thoả thuận của anh S và chị T phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Như vậy, qua hòa giải về phần con chung tại Toà án nhân dân huyện Bắc Quang chị T và anh S thống nhất người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Do chị T và anh S không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị T và anh Ma Văn S.

- Về việc nuôi con: Căn cứ Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình 2014 và nguyện vọng của các cháu Ma Văn T, sinh ngày 20/01/2005, Ma Thị S, sinh ngày 17/3/2006; Ma Thị L, sinh ngày 27/5/2010 thể hiện trong các biên bản lấy lời khai của các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 03 cháu cho anh Ma Văn S được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

- Về án phí : Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc chị Đặng Thị T chịu toàn bộ án phí xét xử sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/. Về tố tụng dân sự: Chị Đặng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết ly hôn với anh Ma Văn S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2/. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2004 chị Đặng Thị T và anh Ma Văn S được tìm hiểu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh S đều khẳng định trong cuộc sống chị T và anh S không có hạnh phúc nên yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- **Việc nuôi con chung:** Xét thấy trách nhiệm nuôi dạy con chung là nghĩa vụ chung của bố, mẹ. Vì vậy, việc nuôi 3 cháu là trách nhiệm chung của cả chị T và anh S. Tuy nhiên, vào thời điểm hiện tại chị T đi làm ăn xa không có nơi ăn chốn ở ổn định nên chị T và anh S thoả thuận giao cả 3 cháu cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp.

Về phân cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị T và anh S đều xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Đặng Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- **Về quyền kháng cáo:** Chị Đặng Thị T và anh Ma Văn S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQD14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

XỬ:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận chị Đặng Thị T và anh Ma Văn S là vợ chồng.

- **Về việc nuôi con:** Giao các cháu Ma Văn T, sinh ngày 20/01/2005, Ma Thị S, sinh ngày 17/3/2006; Ma Thị L, sinh ngày 27/5/2010 cho anh Ma Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Đặng Thị T và anh Ma Văn S xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 03140 ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Ma Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- T.H.A Dân sự Bắc Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà